

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THẾ  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **26/2022/DS-ST**

Ngày 27/9/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Đỗ Ngọc Thắng;

2/ Ông Nguyễn Văn Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Xuân Tin- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:** Ông Nông Văn Hội- Kiểm sát viên (Viện kiểm sát có Thông báo số 548/CV-VKS ngày 09/9/2022 về việc Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa do xác định Tòa án nhân dân huyện Yên Thế không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ gì).

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Triệu L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh 1972; Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nông Văn T, sinh năm 1966 (chồng bà L); Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1976 (vợ ông L); Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B; Bà L ủy quyền cho ông Đinh Triệu L (văn bản ủy quyền ngày 19/4/2022)- Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông Đinh Triệu L) trình bày:*

Ông có mối quan hệ quen biết từ lâu với vợ chồng ông Nông Văn T và bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Y. Vào ngày 30/6/2020 bà L có đến nhà ông có hỏi vay ông số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), mục đích vay để về cho 02 con trai kinh doanh phát triển kinh tế gia đình, bà L hẹn 30 ngày sau trả hết số tiền vay gốc và lãi. Hai bên thỏa thuận lãi suất thỏa thuận theo quy định của Ngân hàng nhưng trong giấy biên nhận vay tiền không ghi cụ thể lãi mà thỏa thuận miệng về lãi suất. Sau khi hai bên thỏa thuận, ông đã giao cho bà L số tiền 60 triệu đồng, bà L đã ký xác nhận vào giấy biên nhận vay tiền đưa ông lưu giữ. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà L không thanh toán trả cho ông được số tiền gốc và lãi nào. Ông đã điện thoại và trực tiếp đến nhà bà L, ông T đòi tiền nhiều lần nhưng bà L, ông T vẫn không trả cho ông được số tiền nào.

Nay ông xác định bà L, ông T còn nợ ông tổng số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Tại đơn khởi kiện và tại Tòa án ông yêu cầu bà L, ông T phải thanh toán cho ông tổng số tiền vay gốc và lãi là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), bao gồm 60 triệu đồng tiền gốc và 40 triệu đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, ông đề nghị bà L, ông T phải thanh toán trả cho ông 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính kể từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị L, ông Nông Văn T):* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không gửi văn bản, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Phạm Thị L) trình bày:* Bà đồng ý với ý kiến của ông Đinh Triệu L- chồng bà.

Tại phiên tòa, do Viện kiểm sát có Thông báo số 548/CV-VKS ngày 09/9/2022 về việc Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa do xác định Tòa án nhân dân huyện Yên Thế không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ gì nên không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, nên không có phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án cũng nhưng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị L và ông Nông Văn T là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp

lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; đã được Toà án triệu tập họp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022 của ông Đinh Triệu L đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về quan hệ tranh chấp:**

[2].1. Ông Đinh Triệu L và bà Nguyễn Thị L tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 30/6/2020, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu của ông Đinh Triệu L yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền vay gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), thấy rằng: Ông L xác định sau khi ký kết hợp đồng vay tài sản ông L đã giao đủ cho bà L số tiền là 60 triệu đồng, bà L đã nhận đủ tiền vay. Đến hạn trả tiền ông L đã đến gia đình bà L đòi nhiều lần nhưng bà L không trả được số tiền nào.

Đối với bà L, ông T đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng không đến Toà án để làm việc cũng như không có văn bản, ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là tự tước bỏ đi quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho bà L, ông T được thực hiện, vì vậy hậu quả của việc bà L, ông T không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà L, ông T phải gánh chịu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh thì tình tiết “một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Vì vậy, xác định việc bà L, ông T còn nợ của ông L số tiền vay gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ, cần buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán trả ông L, bà L số tiền này.

[2].3. Xét yêu cầu của ông Đinh Triệu L yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền vay gốc 60 triệu đồng tính từ ngày vay 30/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật, thấy rằng: Đối với số tiền bà L vay của ông L ở hợp đồng vay ngày 30/6/2020, mặc dù trong hợp đồng không ghi về lãi suất, nhưng ông L xác định có thỏa thuận miệng về lãi, ông L xác định lãi suất thỏa thuận theo lãi ngân hàng; thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay nên xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất. Do hợp đồng vay không ghi rõ về lãi suất nên được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/1 năm. Do đó, bà L phải chịu lãi suất theo mức lãi suất trong hạn và quá là 10%/1 năm tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ theo yêu cầu của ông L là từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền lãi của hợp đồng vay được xác định cụ thể là:

+ Số tiền gốc 60.000.000đ, lãi tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm: 27/9/2022 là 26 tháng 28 ngày, số tiền lãi là  $\{(60.000.000đ \times 10\% \times 26 \text{ tháng} : 12 =$

$13.000.000đ) + (60.000.000đ \times 10\% : 12 \times 28 \text{ ngày} : 30 = 466.700đ)\} = 13.466.700đ$   
(Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

Như vậy, số tiền bà L còn nợ của ông L tiền vay gốc, tiền lãi trong hạn và quá hạn của hợp đồng được xác định là:  $13.466.700đ + 60.000.000đ = 73.466.700đ$  (**Bảy mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng**), cần buộc bà Nguyễn Thị L hải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Đinh Triệu L và bà bà Phạm Thị L.

[2].4. Xét yêu cầu của ông Đinh Triệu L yêu cầu ông Nông Văn T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả số tiền bà Nguyễn Thị L còn nợ ông L thấy rằng: Trong giấy biên nhận vay nợ bà L ký nhận có ghi rõ mục đích vay tiền là để kinh doanh phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác, quan hệ giữa bà L và ông T là quan hệ vợ chồng, vì vậy thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thu nhập và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà L, ông T phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tiền vay còn nợ nêu trên cho ông L, bà L là phù hợp. Do đó yêu cầu của ông Đinh Triệu L yêu cầu bà Nguyễn Thị L, ông Nông Văn T phải liên đới thanh toán trả tiền vay gốc và lãi còn nợ cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của ông Đinh Triệu L được chấp nhận, vì vậy ông Đinh Triệu L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L, ông Nông Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 468, 469; khoản 2 Điều 357; Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Triệu L.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nông Văn T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả ông Đinh Triệu L và bà Phạm Thị L số tiền còn nợ là: **73.466.700đ (Bảy mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng)**; trong đó tiền gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), lãi là 13.466.700đ (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị L, ông Nông Văn T phải liên đới chịu 3.673.300đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Đinh Triệu L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông L số tiền 2.500.000đ

(Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008825 ngày 13/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Toàn**